

TCVN 10299-9:2025

Xuất bản lần 2

**KHẮC PHỤC HẬU QUẢ BOM Mìn VẬT NỔ SAU CHIẾN TRANH –
PHẦN 9: BẢO ĐẢM Y TẾ VÀ SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG
TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT,
RÀ PHÁ BOM Mìn VẬT NỔ**

Addressing the post war explosive ordnance consequences –

Part 9: Medical assurance for deminers

HÀ NỘI - 2025

Mục lục

	Trang
Lời nói đầu.....	4
Lời giới thiệu.....	5
1 Phạm vi áp dụng.....	7
2 Tài liệu viện dẫn	7
3 Thuật ngữ và định nghĩa.....	7
4 Quy định chung	8
4.1 Yêu cầu về sức khỏe của nhân viên tham gia hoạt động điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ	8
4.2 Lập kế hoạch và làm công tác chuẩn bị	8
4.3 Sơ cứu và vận chuyển nạn nhân bom mìn vật nổ.....	9
5 Khả năng ứng phó tai nạn trong quá trình điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ	10
5.1 Đối với công trường rà phá bom mìn vật nổ	10
5.2 Đối với các đội rà phá bom mìn vật nổ độc lập	11
5.3 Đối với nhân viên rà phá bom mìn vật nổ	11
6 Các yêu cầu đối với tổ chức/đơn vị điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ	11
Phụ lục A (Quy định): Tổ chức biên chế và các trang thiết bị tối thiểu cho hoạt động y tế trên công trường điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ.....	13
Phụ lục B (Quy định): Huấn luyện y tế.....	21
Phụ lục C (Tham khảo): Mẫu kế hoạch bảo đảm y tế trên công trường điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ	23
Thư mục tài liệu tham khảo	25

Lời nói đầu

TCVN 10299-9:2025 do Binh chủng Công binh biên soạn, Bộ Quốc phòng đề nghị, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

TCVN 10299-9:2025 thay thế TCVN 10299-8:2014.

Bộ TCVN 10299:2025, *Khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh*, gồm 15 phần:

- TCVN 10299-1:2025, Phần 1: *Quy định chung*;
- TCVN 10299-2:2025, Phần 2: *Thẩm định và công nhận năng lực thực hiện cho tổ chức hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ*;
- TCVN 10299-3:2025, Phần 3: *Giám sát và đánh giá tổ chức khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ*;
- TCVN 10299-4:2025, Phần 4: *Điều tra ô nhiễm bom mìn vật nổ*;
- TCVN 10299-5:2025, Phần 5: *Khảo sát ô nhiễm bom mìn vật nổ*;
- TCVN 10299-6:2025, Phần 6: *Rà phá bom mìn vật nổ*;
- TCVN 10299-7:2025, Phần 7: *Xử lý bom mìn vật nổ*;
- TCVN 10299-8:2025, Phần 8: *An toàn hiện trường điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ*;
- TCVN 10299-9:2025, Phần 9: *Bảo đảm y tế và sức khỏe người lao động trong các hoạt động điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ*;
- TCVN 10299-10:2025, Phần 10: *Điều tra sự cố bom mìn vật nổ*;
- TCVN 10299-11:2025, Phần 11: *Quản lý thông tin*;
- TCVN 10299-12:2025, Phần 12: *Quản lý chất lượng trong hoạt động điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ*;
- TCVN 10299-13:2025, Phần 13: *Quản lý rủi ro trong hoạt động điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ*;
- TCVN 10299-14:2025, Phần 14: *Giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn vật nổ*;
- TCVN 10299-15:2025, Phần 15: *Hỗ trợ nạn nhân bom mìn vật nổ*.

Lời giới thiệu

TCVN 10299-9:2025, *Khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh – Phần 9: Bảo đảm y tế và sức khỏe người lao động trong các hoạt động điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ* quy định các nguyên tắc và hướng dẫn hoạt động trong việc bảo đảm y tế và sức khỏe cho người lao động tham gia vào các hoạt động điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ. Tiêu chuẩn này nhằm đảm bảo rằng người lao động được bảo vệ tối đa trước các nguy cơ sức khỏe, bao gồm việc kiểm tra sức khỏe định kỳ, cung cấp dịch vụ y tế và hỗ trợ tâm lý. Các biện pháp bảo đảm y tế và sức khỏe được quy định rõ ràng và chi tiết, giúp nâng cao chất lượng cuộc sống và hiệu suất làm việc của người lao động, đồng thời giảm thiểu rủi ro tai nạn và bệnh tật. Việc tuân thủ các quy định này giúp đảm bảo an toàn và bảo vệ sức khỏe cho người lao động, nâng cao hiệu quả của công tác khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh.

Khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh –

Phần 9: Bảo đảm y tế và sức khỏe người lao động trong các hoạt động điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ

Addressing the post war explosive ordnance consequences –

Part 9: Medical assurance for deminers

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu về bảo đảm y tế và sức khỏe người lao động trong hoạt động điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau rất cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả các sửa đổi (nếu có).

TCVN 10299-1:2025, *Khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh – Phần 1: Quy định chung*

3 Thuật ngữ và định nghĩa

Tiêu chuẩn này sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa nêu trong TCVN 10299-1:2025 và các thuật ngữ, định nghĩa sau:

3.1

Nhân viên y tế (Medical staff)

Người được đào tạo chuyên môn thực hiện công tác bảo đảm y tế trong tổ chức hoạt động điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ Trình độ tối thiểu của nhân viên y tế phải từ y sỹ hoặc điều dưỡng viên trở lên.

3.2

Nhân viên hỗ trợ y tế (Medical support staff)

Các nhân viên trong tổ chức điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ được huấn luyện bổ sung các kiến thức, kỹ năng về y tế và được phân công nhiệm vụ hỗ trợ các nhân viên y tế thực hiện nhiệm vụ cấp cứu, tải thương khi xảy ra tình huống tai nạn, sự cố trên hiện trường.

3.3

Tai nạn trong rà phá bom mìn vật nổ (Demining accident)

Tai nạn xảy ra tại địa điểm thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ

3.4

Kế hoạch ứng phó tai nạn trong rà phá bom mìn vật nổ (Demining accident response plan)

Kế hoạch được lập thành văn bản cho mỗi công trường thi công điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ, chi tiết hóa quy trình cần phải tuân thủ để cấp cứu và vận chuyển nạn nhân từ hiện trường tai nạn đến một cơ sở điều trị y tế thích hợp.

4 Quy định chung

4.1 Yêu cầu về sức khỏe của nhân viên tham gia hoạt động điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ

4.1.1 Nhân viên phải có sức khỏe phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ theo quy định.

4.1.2 Nhân viên được kiểm tra sức khỏe định kỳ 2 lần trong một năm do các cơ sở y tế có chức năng thực hiện và kiểm tra về y tế trước khi thực hiện nhiệm vụ điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ.

4.2 Lập kế hoạch và làm công tác chuẩn bị

Lập kế hoạch và làm công tác chuẩn bị gồm tất cả những hoạt động mà các tổ chức hoạt động điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ phải tiến hành nhằm thiết lập và duy trì toàn bộ công tác y tế và sức khỏe người lao động tại công trường điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ bao gồm cả hiệp đồng với các cơ sở y tế của địa phương, quốc gia và quốc tế (trong trường hợp cần thiết).

4.2.1 Kế hoạch ứng phó tai nạn

4.2.1.1 Các tổ chức rà phá bom mìn vật nổ phải lập và duy trì kế hoạch ứng phó tai nạn tại từng công trường điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ. Kế hoạch này phải xác định được:

4.2.1.1.1 Nhu cầu huấn luyện về y tế của tất cả các nhân viên tham gia hoạt động khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ, cụ thể là trách nhiệm của nhân viên rà phá bom mìn vật nổ và đội ngũ y tế trong công tác cấp cứu ban đầu và chuyển thương. Nội dung chi tiết xem Phụ lục B.

4.2.1.1.2 Cơ sở vật chất và trang thiết bị để triển khai kế hoạch ứng phó tai nạn được nêu chi tiết trong Phụ lục A, bao gồm:

- Trang thiết bị sơ cứu;
- Thuốc và vật tư;
- Phương tiện vận tải phù hợp để vận chuyển nạn nhân từ hiện trường tai nạn đến các cơ sở y tế điều trị;
- Thông tin liên lạc để yêu cầu bảo đảm hoặc cung cấp chi tiết về tính chất và mức độ tai nạn.

4.2.1.1.3 Vị trí bệnh viện, bệnh viện chuyên khoa gần nhất nơi có đội ngũ nhân viên và trang thiết bị y tế phù hợp để có thể tiến hành phẫu thuật và điều trị chuyên khoa.

4.2.1.2 Công tác chuẩn bị ứng phó tai nạn bom mìn vật nổ phải xây dựng và duy trì:

- Đội ngũ nhân viên y tế có kỹ năng thực hiện các kỹ thuật sơ cứu, kỹ năng và trang thiết bị y tế cần thiết để ứng phó với tai nạn bom mìn vật nổ;
- Thông tin về nhóm máu, bệnh truyền nhiễm (viêm gan vi rút...) và những bệnh dị ứng cụ thể của từng nhân viên tham gia hoạt động rà phá bom mìn vật nổ và các thông tin bổ sung từ các bản kê khai đối với khách tham quan hiện trường;
- Năng lực vận chuyển nạn nhân hoặc bảo đảm chi phí vận chuyển đến cơ sở y tế điều trị phù hợp;
- Bảo đảm chi phí chăm sóc, phẫu thuật và điều trị, bao gồm cả các bộ phận chân, tay, mắt... giả cho nạn nhân bom mìn vật nổ;
- Chi trả trợ cấp khuyết tật phù hợp cho những nhân viên tham gia hoạt động rà phá bom mìn vật nổ là nạn nhân của các vụ tai nạn do bom mìn vật nổ gây ra;
- Định kỳ 6 tháng một lần kiểm tra, rà soát quy trình ứng phó khẩn cấp và quy trình chuyển thương từ thời điểm xảy ra tai nạn đến khi vận chuyển nạn nhân đến một cơ sở điều trị hoặc phẫu thuật phù hợp và phải đảm bảo thực hiện ít nhất một lần đối với mỗi khu vực hoạt động hiện trường.

4.2.2 Bảo đảm sức khỏe người lao động

4.2.2.1 Quán triệt cho tất cả các nhân viên rà phá bom mìn vật nổ về những mối nguy hại cho sức khỏe, bao gồm côn trùng và những bệnh truyền nhiễm, bệnh phát sinh từ nước, những động vật hoặc côn trùng có độc sinh sống trong khu vực rà phá bom mìn vật nổ, những nguy cơ nhiễm các chất độc trong khu vực rà phá bom mìn vật nổ (như dioxin, hóa chất độc hại, chất phóng xạ...).

4.2.2.2 Trong trường hợp cần thiết, cung cấp thuốc, các kháng sinh phòng ngừa bệnh tật theo các chỉ định y tế và các phương tiện phòng hộ cần thiết.

4.2.2.3 Hiệp đồng kiểm tra sức khỏe định kỳ, đột xuất, trước khi thực hiện nhiệm vụ rà phá bom mìn vật nổ và khám bệnh nghề nghiệp định kỳ cho các đối tượng có nguy cơ cao do tiếp xúc với các yếu tố độc hại (thuốc nổ, thuốc phóng...).

4.3 Sơ cứu và vận chuyển nạn nhân bom mìn vật nổ

4.3.1 Các tổ chức, đơn vị điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ phải xây dựng kế hoạch và luyện tập phương án vận chuyển nạn nhân ra khỏi các trang thiết bị rà phá bom mìn vật nổ hoặc vận chuyển nạn nhân ra khỏi vị trí xảy ra tai nạn.

4.3.2 Các nội dung sơ cứu và chăm sóc y tế tại chỗ bao gồm:

- Cầm máu tạm thời vết thương;

- Băng vết thương;
- Cố định tạm thời gãy xương;
- Vận chuyển nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm.

4.3.3 Vận chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế có khả năng điều trị chuyên khoa và tiến hành phẫu thuật phù hợp, gồm:

- Chi tiết về tuyến đường vận chuyển (đường không, đường bộ, đường thủy) và phương tiện vận chuyển (máy bay, tàu, thuyền, xe cứu thương hoặc các phương tiện khác tương đương);
- Chi tiết về đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển;
- Nhiên liệu, thực phẩm đủ cho kịp vận chuyển căn cứ vào quãng đường sẽ di chuyển.

4.3.4 Chăm sóc, điều trị cho nạn nhân trong quá trình vận chuyển từ địa điểm xảy ra tai nạn đến cơ sở điều trị.

4.3.5 Xây dựng và duy trì trang thiết bị, cơ sở vật chất và thuốc phục vụ ứng phó tai nạn bom mìn vật nổ bao gồm:

- Thuốc, cơ sở vật chất và trang thiết bị chăm sóc y tế tại chỗ;
- Phương tiện cứu thương: Các trang thiết bị chăm sóc y tế chuyên dụng và các trang thiết bị y tế cần thiết khác nhằm bảo đảm cho nạn nhân trong suốt quá trình vận chuyển đến cơ sở điều trị hoặc phẫu thuật;
- Chuẩn bị và duy trì thông tin liên lạc tại chỗ và trên đường vận chuyển; trao đổi với nhân viên bệnh viện qua điện thoại hoặc các phương tiện khác về mức độ nghiêm trọng của vết thương và tình trạng của (các) nạn nhân.

4.3.6 Các chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động tại hiện trường

4.3.6.1 Chỉ số định lượng:

- Thời gian phản ứng của hệ thống y tế tại hiện trường khi xảy ra tai nạn: ≤ 15 phút;
- Tỷ lệ nhân sự được đào tạo sơ cứu cơ bản: 100 %.

4.3.6.2 Chỉ số định tính:

- Mức độ sẵn sàng của kế hoạch y tế và trang thiết bị;
- Hiệu quả xử lý tai nạn qua báo cáo sau sự cố.

5 Khả năng ứng phó tai nạn trong quá trình điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ

5.1 Đối với công trường rà phá bom mìn vật nổ

5.1.1 Các công trường rà phá bom mìn vật nổ phải có đủ nguồn lực để:

- Nhanh chóng đưa nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm;

- Thực hiện việc cấp cứu ban đầu cho nạn nhân bị tai nạn khi đang điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ trong thời gian nhanh nhất có thể và không làm ảnh hưởng đến sự an toàn của người khác;
- Vận chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất trong thời gian sớm nhất có thể;
- Chăm sóc y tế trên đường vận chuyển;
- Liên lạc với các cơ sở y tế, đội cấp cứu hoặc những tổ chức phối kết hợp khác chịu trách nhiệm phối hợp với tổ chức rà phá bom mìn vật nổ ứng phó với tai nạn bom mìn vật nổ.

5.1.2 Phải trang bị và huấn luyện cho đội ngũ nhân viên tiến hành các nội dung sau:

5.1.2.1 Đưa nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm hoặc các trang thiết bị rà phá bom mìn vật nổ.

5.1.2.2 Nhanh chóng đánh giá tình trạng tổn thương của nạn nhân và phân loại ưu tiên cấp cứu, vận chuyển. Thực hiện các kỹ thuật sơ cứu, gồm:

- Hô hấp nhân tạo và ép tim ngoài lồng ngực;
- Phòng và chống sốc;
- Các biện pháp cầm máu tạm thời;
- Cố định tạm thời gãy xương;
- Vận chuyển nạn nhân theo đúng chỉ định và thứ tự ưu tiên.

5.2 Đối với các đội rà phá bom mìn vật nổ độc lập

5.2.1 Các đội rà phá bom mìn vật nổ hoạt động độc lập ở những khu vực xa xôi, hẻo lánh trong một thời gian dài nên được tăng cường thêm nhân viên y tế.

5.2.2 Có các nguồn lực cần thiết (bao gồm cả phương tiện thông tin liên lạc) để kịp thời cấp cứu, vận chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế hoặc cơ sở phẫu thuật gần nhất.

5.2.3 Các nhân viên rà phá bom mìn vật nổ phải được tập huấn thành thạo sơ cứu (5 kỹ thuật cấp cứu cơ bản).

5.3 Đối với nhân viên rà phá bom mìn vật nổ

Tất cả nhân viên tham gia hoạt động rà phá bom mìn vật nổ phải được huấn luyện về y tế, quy định về cấp độ và mức độ huấn luyện y tế, nội dung chi tiết xem Phụ lục B.

6 Các yêu cầu đối với tổ chức/đơn vị điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ

6.1 Căn cứ vào tiêu chuẩn này để xây dựng kế hoạch bảo đảm y tế, kế hoạch ứng phó sự cố, tai nạn cho các hoạt động điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ trên hiện trường.

6.2 Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc duy trì, luyện tập theo kế hoạch ứng phó tai nạn bom mìn của các tổ chức/đơn vị thuộc quyền. Đánh giá hiệu quả của các kế hoạch ứng phó tai nạn bom mìn vật nổ và hỗ trợ triển khai biện pháp khắc phục phù hợp.

6.3 Xây dựng kế hoạch, phương án bảo vệ sức khỏe người lao động và tổ chức triển khai thực hiện đối với từng công trường thi công điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ

6.4 Trước khi thực hiện một nhiệm vụ điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ phải tiến hành huấn luyện bổ sung nguồn lực cần thiết cho công tác bảo đảm y tế và sức khỏe người lao động

6.5 Hướng dẫn nhân viên điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ, nhân viên y tế:

- Thực hiện đúng các quy định, quy trình nhằm giảm thiểu nguy cơ tai nạn và độc hại do bom mìn vật nổ gây ra;
- Phát triển và duy trì các kỹ năng cần thiết để ứng phó khẩn cấp với các tai nạn bom mìn vật nổ;
- Đề xuất những cơ hội cải thiện cách thức làm việc để giảm thiểu nguy cơ xảy ra tai nạn bom mìn vật nổ và nâng cao hiệu quả kế hoạch ứng phó tai nạn bom mìn vật nổ của tổ chức mình;
- Thực hiện tất cả các hành động theo đề xuất của các quan chức y tế có thẩm quyền để đảm bảo sức khỏe nghề nghiệp.

Phụ lục A

(Quy định)

Tổ chức biên chế và các trang thiết bị tối thiểu cho hoạt động y tế trên công trường
điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ

**Bảng A.1 – Tổ chức, biên chế tối thiểu tổ hỗ trợ y tế của công trường
điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ**

STT	Tổ chức, biên chế	Số lượng
1	Bác sỹ (y sỹ) tổ trưởng	01
2	Điều dưỡng viên trung cấp	02
3	Tái thương (kiêm nhiệm)	Từ 2 đến 4
4	Lái xe	01
CHÚ THÍCH: Áp dụng cho công trường rà phá bom mìn vật nổ có từ 3 đội rà phá bom mìn vật nổ trở lên, khi đó các đội có thể không phải biên chế nhân viên y tế.		

**Bảng A.2 – Phương tiện y tế tối thiểu cho hoạt động y tế của công trường
điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ**

STT	Tên phương tiện, hoạt chất	Đơn vị tính	Số lượng
I. Phương tiện vận chuyển:			
	Xe cứu thương chuyên dụng hoặc các phương tiện vận chuyển tương đương phù hợp địa hình (ca nô, máy bay...)	Cái	01
II. Phương tiện thông khí và các dụng cụ hỗ trợ hô hấp:			
1	Bóp bóng người lớn loại sử dụng nhiều lần (ambu + mask)	Bộ	02
2	Mặt nạ thanh quản các cỡ dùng cho người lớn (mask thanh quản)	Bộ	02
3	Mặt nạ thở ô xy người lớn	Cái	02
4	Canuyl Mayo đường miệng và mũi các cỡ	Cái	Mỗi cỡ 02 cái
5	Nguồn cung cấp ô xy trong 120 min/8 L/min [10 L/20 MPa (200bar)], có đồng hồ đo áp lực và bộ điều chỉnh lưu lượng	Bộ	01

Bảng A.2 (tiếp theo)

STT	Tên phương tiện, hoạt chất	Đơn vị tính	Số lượng
6	Dây thông khí mũi - họng	Cái	02
7	Ống nội khí quản các số	Cái	Mỗi số 1 cái
8	Bộ dụng cụ đặt nội khí quản	Bộ	01
9	Bộ dụng cụ mở khí quản (bao gồm cả canuyl Krishaber hoặc Sjober + thuốc gây tê + bơm tiêm + kim, chỉ khâu...)	Bộ	01
10	Dây dẫn ô xy các cỡ	Cái	Mỗi cỡ 01 cái
11	Kim chọc dịch, khí màng phổi	Cái	Mỗi loại 02 cái
III. Dụng cụ tiêm truyền:			
1	Kính bảo vệ mắt	Cái	02
2	Thùng chứa đồ sắc nhọn	Cái	01
3	Kim lườn tĩnh mạch cỡ 14 G, 16 G, 18 G, 20 G	Cái	Mỗi cỡ 5 cái
4	Bộ dây truyền	Bộ	10
5	Băng dính y tế 2,5 cm	Cuộn	02
6	Ga rô tĩnh mạch	Cái	02
7	Bông cotton	Lọ	02
8	Bơm tiêm dùng một lần 5 mL	Cái	20
9	Bơm tiêm dùng một lần 10 mL	Cái	20
10	Kim cỡ 21 G	Cái	20
11	Nước cất 5 mL	Ống	20
12	Găng y tế vô khuẩn	Đôi	20
IV. Dụng cụ băng vết thương:			
1	Băng tam giác	Cái	10
2	Gạc tiệt trùng 10 cm x 10 cm hoặc 10 cm x 20 cm, gói 10 cái	Gói	20
3	Băng cuộn 10 cm	Cuộn	20
4	Băng cuộn 15 cm	Cuộn	20
5	Gạc bụng/ngực	Cái	Mỗi loại 10 cái

Bảng A.2 (tiếp theo)

STT	Tên phương tiện, hoạt chất	Đơn vị tính	Số lượng
6	Băng bông	Cái	10
7	Băng đệm mắt	Cái	10
8	Băng chun	Cuộn	04
9	Ga rô	Cái	05
Dung dịch sát khuẩn vết thương			
10	Polyvinyl pyrrolidone 10 %	Lọ	02
11	Cồn 70° chai 500 mL	Chai	02
12	Ô xy già 30 thể tích	Lọ	05
13	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Lọ	02
V. Nẹp cố định:			
1	Bộ nẹp cố định cánh tay, cẳng tay (hoặc nẹp Cramer)	Bộ	Mỗi loại 2 bộ
2	Bộ nẹp cố định đùi, cẳng chân	Bộ	Mỗi loại 2 bộ
3	Nẹp cố định cột sống cổ các cỡ	Cái	Mỗi cỡ 02 cái
4	Nẹp cố định cột sống lưng, thắt lưng các cỡ	Cái	Mỗi cỡ 2 cái
VI. Các khoản khác:			
1	Kéo cắt băng	Cái	02
2	Kim Kelly	Cái	02
3	Kim sát trùng	Cái	02
4	Ống nghe	Cái	02
5	Huyết áp kế	Cái	02
6	Thẻ phân loại nạn nhân	Bộ	02
7	Gạc đệm cỡ trung bình	Cái	20
8	Đèn soi tai, đồng tử	Cái	01
9	Băng dính	Cuộn	02
10	Dao mổ tiết trùng (gồm cả cán và lưỡi dao)	Cái	05
11	Kim liền chỉ (tự tiêu và không tự tiêu) đã tiết trùng các số	Sợi	Mỗi số 02 sợi

Bảng A.2 (tiếp theo)

STT	Tên phương tiện, hoạt chất	Đơn vị tính	Số lượng
12	Hộp dụng cụ tiểu phẫu: 02 kẹp, 02 kéo, 02 kẹp phẫu tích, cán dao, lưỡi dao dùng một lần, kim liền chỉ khâu, kim kẹp kim.	Bộ	Từ 1 bộ đến 2 bộ
VII. Danh mục thuốc thiết yếu:			
Nhóm thuốc tim mạch			
1	Dopamin 200 mg	Ống	05
2	Dobutamin 250 mg	Ống	05
3	Noradrenaline 1 mg	Ống	20
4	Adrenaline 1 mg	Ống	20
5	Atropine sulphate 0,25 mg	Ống	20
6	Nitroglycerine Spray 200 liều (mỗi liều 0,4 mg)	Lọ	01
7	Nifedipin 10 mg	Viên nang	10
8	Captopril 25 mg	Viên	10
9	Amiodaron 150 mg	Ống	05
10	Furosemide 20 mg/2 mL	Ống	05
11	Digoxin 0,25 mg/1 mL	Ống	05
12	Furosemid 40 mg	Viên nén	10
13	Amiodaron 200 mg	Viên	10
14	Nitroglycerin 1 mg/10 mL	Ống	05
15	Nitroglycerin 2,6 mg	Viên	20
Nhóm thuốc hô hấp			
16	Salbutamol bình xịt 200 liều (mỗi liều 100 mg) hoặc thuốc tương đương	Lọ	02
17	Terbutaline sulfate 0,5 mg	Ống	05
Nhóm thuốc tiêu hóa			
18	Hyoscine-N-butylbromide 20 mg	Ống	10
19	Spasvamerine 40 mg	Viên nén	20

Bảng A.2 (tiếp theo)

STT	Tên phương tiện, hoạt chất	Đơn vị tính	Số lượng
20	Metoclopramide chlohydrate 10 mg	Ống	10
21	Berberine 100 mg	Viên	50
22	Biseptol 480 (Sulfamethoxazole 400 mg + Trimethoprim 80 mg)	Viên	50
Nhóm thuốc giảm đau, an thần			
23	Morphine 10 mg/ mL	Ống	05
24	Pethidine chlohydrate 100 mg	Ống	05
25	Diazepam 10 mg	Ống	05
26	Diazepam 5 mg	Viên	20
Nhóm thuốc kháng sinh			
27	Cephalosporin 1 g	Lọ	10
28	Ciprofloxacin 400 mg	Viên	20
29	Cefuroxim 500 mg	Viên	30
Nhóm thuốc chống độc			
30	Naloxone 0,4 mg/ mL (nếu sử dụng thuốc gây nghiện)	Ống	02
31	Bột than hoạt	Tuýp	02
Thuốc gây tê tại chỗ			
32	Lidocain 2 %/2 mL	Ống	50
Thuốc chống chóng mặt			
33	Acetyl-DL-Leucine 500 mg	Ống	10
Nhóm thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm			
34	Paracetamol 1 g	Lọ	05
35	Paracetamol 500 mg	Viên sủi	10
Dịch truyền			
36	Dung dịch natriclorua 0,9 % 500 mL	Chai	05
37	Dung dịch glucose 5 % 500 mL	Chai	05

Bảng A.2 (tiếp theo)

STT	Tên phương tiện, hoạt chất	Đơn vị tính	Số lượng
38	Dung dịch glucose 10 % 500 ml	Chai	05
39	Dung dịch glucose 10 % 500 ml	Chai	05
40	Dung dịch ringer lactate 500 ml	Chai	05
41	Dung dịch Hydroxyethyl starch 6 % hoặc dung dịch cao phân tử khác tương đương 500 ml	Chai	05
Nhóm thuốc chống dị ứng			
42	Diphenhydramin-hydroclorid 10 mg	Ống	2-5
43	Methylprednisolone Natri succinate 40 mg	Ống	5
44	Chlorpheniramine maleate 4 mg	Viên nén	20
45	Loratadin 10 mg	Viên nén	10
Một số thuốc khác			
46	Panthenol (thuốc xịt bông)	Tuýp	01
47	Calcium chloride 0,5 g/5 ml	Ống	05
48	Kali chlorid 500 mg	Ống	05
49	Kali chlorid 600 mg	Viên	10
50	Oresol	Gói	10
51	Tobramycine 0,3 % 5 ml	Lọ	02
52	Natri clorid 0,9 % 10 ml	Lọ	10
VIII. Thuốc và phương tiện y tế tối thiểu cho phương tiện vận chuyển:			
1	Cáng thương với các đai và phương tiện giữ cố định cáng thương vào xe	Cái	01
2	Ván cứng cột sống và mũ giữ đầu (hoặc tương tự)	Cái	01
3	Chăn ủ ấm	Cái	02
4	Bình nước 10 L	Bình	01
5	Phương tiện liên lạc	Bộ	01
6	Dụng cụ báo tín hiệu khói (nếu cần)	Cái	01

Bảng A.2 (kết thúc)

STT	Tên phương tiện, hoạt chất	Đơn vị tính	Số lượng
7	Đèn nháy	Cái	01
8	Bình ô xy dung tích 5 L, có đồng hồ đo áp lực và bộ điều chỉnh lưu lượng; dây dẫn ô xy các cỡ người lớn	Bộ	01
9	Bóp bóng người lớn loại sử dụng nhiều lần (ambu + mask)	Bộ	02
10	Mặt nạ thanh quản các cỡ dùng cho người lớn (mask thanh quản)	Bộ	02
11	Mặt nạ thở ô xy người lớn	Cái	02
12	Canuyl Mayo đường miệng và mũi các cỡ	Cái	Mỗi cỡ 02 cái
13	Dây thông khí mũi - họng	Cái	02
14	Ống nội khí quản các số	Cái	Mỗi số 1 cái
15	Bộ dụng cụ đặt nội khí quản	Bộ	01
16	Bộ dụng cụ mở khí quản (bao gồm cả canuyl Krishaber hoặc Sjober + thuốc gây tê + bơm tiêm + kim, chỉ khâu...)	Bộ	01
17	Dây dẫn ô xy các cỡ	Cái	Mỗi cỡ 01 cái
18	Máy theo dõi bệnh nhân xách tay (monitor) tối thiểu có 2 thông số: Mạch, SpO ₂ , dùng pin	Cái	01
19	Thuốc thiết yếu và các khoản khác như mục III, VI, VII		

**Bảng A.3 – Phương tiện y tế khác cho một tổ hỗ trợ y tế của công trường
điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ**

STT	Tên phương tiện	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bộ dụng cụ hút, rửa dạ dày	Bộ	01
2	Dụng cụ soi thanh quản (có lưới đèn và pin)	Cái	01
3	Kim Magill số 8	Cái	01
4	Kim Magill số 9	Cái	01
5	Dung dịch nước muối rửa 0,9%	Lít	10
6	Máy hút dịch di động dùng nguồn ắc quy hoặc điện xoay chiều 220 V/50 Hz	Cái	01
7	Máy theo dõi bệnh nhân xách tay (monitor) tối thiểu có 2 thông số: Mạch, SpO ₂ , dùng pin	Cái	02
8	Bộ ống thông tiểu các cỡ	Bộ	02
9	Bình nước uống 10 L	Bình	02
10	Chăn ủ ấm	Cái	02

Phụ lục B
(Quy định)
Huấn luyện y tế

B.1 Nhân viên rà phá bom mìn vật nổ

Nhân viên rà phá bom mìn vật nổ phải được huấn luyện về:

B.1.1 Chức trách và quyền hạn tiến hành sơ cứu.

B.1.2 Năm kỹ thuật cấp cứu cơ bản, bao gồm:

- Hồi sinh tổng hợp: Hà hơi thổi ngạt; ép tim ngoài lồng ngực;
- Cầm máu tạm thời vết thương bằng cách: Gấp chi tối đa, ấn động mạch, băng ép, băng chèn, băng nút, khâu da mép vết thương, thắt mạch máu, ga rô;
- Băng vết thương: Nhặt các dị vật trên bề mặt vết thương, vệ sinh vết thương bằng dung dịch sát khuẩn và các dụng cụ vô khuẩn nhằm hạn chế nhiễm khuẩn vết thương, rửa vết thương từ trong ra ngoài theo đường xoắn ốc. Băng các vùng khác nhau của cơ thể bằng kiểu băng phù hợp như băng vòng xoắn, băng số 8, băng dễ quạt...;
- Cố định tạm thời gãy xương bằng các loại nẹp chuyên dụng hoặc nẹp tự tạo;
- Phương pháp cáng thương, vận chuyển nạn nhân từ khu vực nguy hiểm đến địa điểm tập kết để cứu chữa bằng tay không, bằng cáng.

B.1.3 Tầm quan trọng của việc giao tiếp, động viên nạn nhân bom mìn vật nổ.

B.1.4 Tầm quan trọng của việc chống đỡ nạn nhân bị lạnh, mưa, gió hoặc quá nóng.

B.2 Giám sát viên và đội trưởng đội rà phá bom mìn vật nổ

Giám sát viên và đội trưởng rà phá bom mìn vật nổ phải được huấn luyện về:

- Cách thức đánh giá tình hình an ninh, đánh giá tác động tình hình an ninh đối với hiệu quả triển khai kế hoạch ứng phó tai nạn bom mìn vật nổ;
- Cách thức quản lý việc vận chuyển nạn nhân ra khỏi khu vực độc hại, nguy hiểm;
- Cách thức quản lý tai nạn bom mìn vật nổ gây thương tích cho nhiều người;
- Hướng dẫn cho những người chưa được huấn luyện hoặc huấn luyện chưa đầy đủ tiến hành cấp cứu ban đầu;
- Cách lập kế hoạch và điều phối việc vận chuyển nạn nhân từ công trường đến cơ sở chăm sóc phẫu thuật;
- Duy trì hệ thống liên lạc với các cơ sở điều trị y tế và phẫu thuật, với các tổ chức, cơ quan hoặc cá nhân có trách nhiệm để yêu cầu hỗ trợ vận chuyển nạn nhân đến bất cứ cơ sở chăm sóc y tế trung gian nào và sau đó là đến các cơ sở điều trị, phẫu thuật phù hợp.

B.3 Đội ngũ nhân viên hỗ trợ y tế

Nhân viên hỗ trợ y tế cần được huấn luyện về:

- Đánh giá tình trạng sức khỏe chung của nạn nhân, phân loại ưu tiên và đánh giá phương pháp điều trị cần thiết;
- Lựa chọn phương pháp chuyển thương tốt nhất;
- Báo cáo đề nghị hỗ trợ y tế để điều trị cho nạn nhân tại chỗ hoặc tại một địa điểm thích hợp trước khi chuyển lên các cơ sở điều trị tốt hơn;
- Điều trị nạn nhân một cách phù hợp và an toàn tại công trường và trên đường vận chuyển nạn nhân đến một cơ sở điều trị tốt hơn;
- Cung cấp thuốc kháng sinh, ô xy, truyền dịch, giảm đau, chống sốc và các thuốc cần thiết khác.

Phụ lục C

(Tham khảo)

Mẫu kế hoạch bảo đảm y tế trên công trường điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ**(TÊN ĐƠN VỊ)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Số:***(Địa danh), ngày tháng năm***PHÊ DUYỆT***Ngày.....tháng.....năm***THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ****(CẤP CÓ THẨM QUYỀN)****(Ký tên, đóng dấu)****KẾ HOẠCH****Bảo đảm y tế trên công trường
điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ****I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Nêu đặc điểm tình hình liên quan đến kết quả thực hiện nhiệm vụ đảm bảo y tế cho công trường rà phá bom mìn vật nổ:

- Vị trí công trường rà phá bom mìn vật nổ có gần các cơ sở y tế quân dân y không;
- Đặc điểm dịch tễ học, thời tiết, khí hậu tại khu vực rà phá bom mìn vật nổ;
- Mật độ, chủng loại bom mìn vật nổ;
- Tình hình lực lượng, trang thiết bị của tổ chức rà phá bom mìn vật nổ.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Nêu các căn cứ chính để xây dựng kế hoạch đảm bảo y tế cho công trường rà phá bom mìn vật nổ sau chiến tranh:

- Khối lượng công việc, sự phức tạp, thời gian thực hiện;
- Số lượng người tham gia rà phá bom mìn vật nổ;
- Dự kiến số lượng nạn nhân nếu xảy ra sự cố bom mìn vật nổ;

- Tuyển đường vận chuyển nạn nhân đến cơ sở điều trị phù hợp, địa hình...

III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1 Mục đích

2 Yêu cầu

IV. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

4.1 Chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế để cấp cứu, vận chuyển nạn nhân bom mìn vật nổ (đường vận chuyển nạn nhân nhanh và ngắn, an toàn nhất)

4.2 Nhân viên rà phá bom mìn vật nổ bao gồm cả nhân viên y tế

- Biên chế và chức trách của từng nhân viên tham gia rà phá bom mìn vật nổ;
- Kiểm tra sức khỏe trước khi thực hiện nhiệm vụ;
- Huấn luyện về y tế (được nêu trong Phụ lục B).

4.3 Kế hoạch ứng phó tai nạn bom mìn vật nổ

- Bao gồm thứ tự các hành động của từng nhân viên trên công trường rà phá bom mìn vật nổ khi xảy ra tai nạn bom mìn vật nổ;
- Phương thức báo cáo lên cấp trên, chi viện, hiệp đồng với các tổ chức khác trong quá trình ứng phó tai nạn bom mìn vật nổ.

4.4 Phương án vận chuyển nạn nhân bom mìn vật nổ

- Vị trí cơ sở điều trị y tế phù hợp hoặc cơ sở y tế có khả năng phẫu thuật hoặc những địa điểm tập trung để tiếp tục đưa nạn nhân đến cơ sở y tế thích hợp;
- Phương tiện vận chuyển bom mìn vật nổ phù hợp với tổn thương và địa hình;
- Tuyển đường vận chuyển;
- Phương thức đảm bảo an toàn và thông tin liên lạc trong quá trình vận chuyển nạn nhân;
- Điều trị nạn nhân trong quá trình vận chuyển.

V. KIẾN NGHỊ

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Thư mục tài liệu tham khảo

- [1] IMAS 04.10, Danh mục các thuật ngữ, định nghĩa và các từ viết tắt về Hành động bom mìn.
 - [2] IMAS 10.60, Điều tra và báo cáo tai nạn và sự cố.
 - [3] IMAS 10.10 An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp.
 - [4] IMAS 10.40 Hỗ trợ y tế.
-